

DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐẠT YÊU CẦU XÉT SƠ TUYỂN HỒ SƠ (VÒNG I)
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số: 3105/TB-ĐHTN-TCCB ngày 16 tháng 12 năm 2019
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

A. GIẢNG VIÊN, KỸ THUẬT VIÊN

I. Khoa Ngoại ngữ (01 chỉ tiêu)

1. Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngành (01 chỉ tiêu): HP Viết 4

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Đinh Thị Mỹ Duyên	Nữ	19/11/1996	Ngôn ngữ Anh	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế		
2	La Đức Trung	Nam	16/09/1996	SP Tiếng Anh	Trường ĐH Tây Nguyên	Người DTTS	

II. Khoa Y Dược (33 chỉ tiêu)

1. Bộ môn Chức năng (02 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

2. Bộ môn Hình thái 1 (02 chỉ tiêu)

2.1. Học phần Giải phẫu 1,2 (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

2.2. Học phần Chẩn đoán hình ảnh (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Phạm Thị Quỳnh My	Nữ	29/11/1979	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên	CKI	

3. Bộ môn Skilllab (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

4. Bộ môn Y học Cổ truyền (01 chỉ tiêu): HP Y học Cổ truyền

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Cao Hoàng Du	Nam	28/09/1993	Bác sĩ Y học cổ truyền	Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam		

5. Bộ môn Phục hồi chức năng (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

6. Bộ môn Dị ứng (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

7. Bộ môn Tâm thần (02 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

8. Bộ môn Da liễu (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Lê Văn Khanh	Nam	30/08/1993	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

9. Bộ môn Ngoại (04 chỉ tiêu)

9.1. Học phần Ngoại cơ sở (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

9.2. Học phần Ngoại bệnh lý 2 (02 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Nam Chung	Nam	26/10/1981	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên	CKI	
2	Tô Hoài Tường	Nam	01/03/1995	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

9.3. Học phần Ung thư đại cương (01 chỉ tiêu)

10. Bộ môn Nhi (02 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

11. Bộ môn Nội (03 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

12. Bộ môn Sản (01 chỉ tiêu): Học phần Phụ sản I

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Mai Ngọc Ba	Nam	06/01/1994	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		
2	Vũ Thị Phương	Nữ	20/09/1994	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

13. Bộ môn Tai Mũi Họng (01 chỉ tiêu): HP Tai Mũi Họng

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Mai Quang Hoàn	Nam	02/07/1988	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên	ThS Tai Mũi Họng	

14. Bộ môn Truyền nhiễm (02 chỉ tiêu)

14.1. Học phần truyền nhiễm 1 (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Trần Song Ngọc Châu	Nữ	25/04/1994	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

14.2. Học phần truyền nhiễm 2 (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Mai Uyên	Nữ	13/01/1995	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

15. Bộ môn Vi ký sinh (01 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

16. Bộ môn Y tế công cộng (02 chỉ tiêu): Không có hồ sơ nộp

17. Bộ môn Xét nghiệm (03 chỉ tiêu)

17.1. Học phần Vi sinh 1,2,3 (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Công Bích Ánh	Nữ	10/02/1997	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên	TN loại Giỏi	
2	Chu Thị Kim Hương	Nữ	22/12/1997	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên		
3	Phùng Thị Thảo Nguyên	Nữ	06/08/1995	CN Kỹ thuật xét nghiệm	Trường ĐH Y Dược, ĐH Huế		
4	Huỳnh Thị Lan Phương	Nữ	24/09/1997	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên	TN loại Giỏi	
5	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	10/11/1996	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên	TN loại Giỏi	

17.2. Học phần Ký sinh trùng 1,2,3 (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	22/04/1997	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên	TN loại Giỏi	
2	Đặng Đình Thành	Nam	06/04/1990	CN Sinh học, Thạc sĩ Ký sinh trùng	Trường ĐH KH Tự nhiên, ĐH Quốc gia TP. HCM		
3	Lê Thị Kiều Vân	Nữ	09/08/1996	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Y Dược, ĐH Huế	TN loại Giỏi	
4	Trần Thị Hải Yến	Nữ	25/09/1997	CN Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trường ĐH Tây Nguyên	TN loại Giỏi	

17.3. Học phần Hóa sinh 1,2,3 (Kỹ thuật viên: 01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Trương Hoàng Sơn	Nam	22/03/1996	CN Xét nghiệm y học	Trường ĐH quốc tế Hồng Bàng		
2	Trịnh Duy Linh	Nam	06/04/1986	CĐ Dược	Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng		
3	Lê Thị Thanh Bình	Nữ	13/04/1997	CN Xét nghiệm y học	Trường ĐH Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng		

18. Bộ môn Điều dưỡng (02 chỉ tiêu)

18.1. Học phần Điều dưỡng Nội, Nhiễm (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	23/08/1991	CN Điều dưỡng	Trường ĐH Hồng Bàng TP. Hồ Chí Minh		
2	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	20/10/1995	CN Điều dưỡng	Trường ĐH Tây Nguyên		

18.2. Học phần Điều dưỡng cơ bản (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Đỗ Thị Quỳnh Lan	Nữ	01/09/1996	CN Điều dưỡng	Trường ĐH Tây Nguyên		
2	Lê Thị Thảo	Nữ	04/05/1995	CN Điều dưỡng	Trường ĐH Tây Nguyên		
3	Nguyễn Thị Chi	Nữ	20/03/1993	CN Điều dưỡng	Trường ĐH Tây Nguyên		

19. Bộ môn Mắt (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Đào Thị Mỹ Châu	Nữ	01/04/1994	Bác sĩ đa khoa	Trường ĐH Tây Nguyên		

B. CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

I. Phòng Kế hoạch Tài chính (01 chỉ tiêu)

STT	Họ và tên	Giới	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành học đại học	Trường Đào tạo	Ưu tiên	Ghi chú
1	Đàm Thị Ly	Nữ	25/02/1995	CN Kế toán	Trường ĐH Tây Nguyên		

Danh sách gồm 31 ứng viên đạt yêu cầu./.

HIỆU TRƯỞNG
Đã ký
TS. Nguyễn Thanh Trúc